

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2023/DS-PT

Ngày 21-12-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản là
quyền sử dụng đất; quyền sở hữu
nhà ở và tài sản khác gắn với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 320/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 343/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thanh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số B, Tổ B, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Số B, Tổ B, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn C1, sinh năm 1955 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số B, Tổ B, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

3. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1991 (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1993 (có mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1997 (có mặt);

7. Anh Đỗ Hữu P, sinh năm 2018 (vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh năm 2013 (vắng mặt);

9. Chị Nguyễn Ngọc Như H3, sinh năm 2015 (vắng mặt);

10. Chị Nguyễn Tâm N, sinh năm 2017 (vắng mặt);

11. Chị Nguyễn Trà M, sinh năm 2019 (vắng mặt);

12. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2020 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của anh Đỗ Hữu P: Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Ngọc Như Ý và chị Nguyễn Ngọc Như H3: Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1993 (có mặt);

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M và anh Nguyễn Thành Đ: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1997 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Số B, Tổ B, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Mai Thanh T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thanh T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Năm 1995, bà Nguyễn Thị K1 (sau đây gọi tắt là bà K1) là mẹ của ông Nguyễn Văn C (sau đây gọi tắt là ông C) xin cất nhà ở nhờ trên đất của ông Mai Văn C1 và bà Nguyễn Kim H (sau đây gọi tắt là ông C1, bà H) là cha mẹ của bà T. Bà K1 thỏa thuận ở nhờ đến khi bà K1 qua đời. Sau khi bà K1 chết, vợ chồng ông C và bà Nguyễn Thị K (sau đây gọi tắt là bà K) vẫn tiếp tục ở nhờ trên đất.

Năm 2013, ông C1 yêu cầu vợ chồng ông C di dời nhà và trả đất nhưng vợ chồng ông C xin tiếp tục ở nhờ và trả cho ông C1 1.000.000đ/năm, thời hạn ở nhờ là 04 năm.

Năm 2017, ông C cho ông C1 vay 15.000.000đ để ông C được tiếp tục ở nhờ trên đất đến năm 2022.

Năm 2019, ông C1 và bà H tặng cho bà T diện tích 120,4m² đất, (trong đó có phần đất vợ chồng ông C đang ở nhờ); bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số: CS08733 ngày 19/3/2019.

Năm 2022, bà T yêu cầu vợ chồng ông C di dời nhà và trả đất nhưng vợ chồng ông C không đồng ý và còn tự ý xây dựng mở rộng căn nhà lấn chiếm thêm đất của bà T.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu vợ chồng ông C và các thành viên trong gia đình của ông C phải di dời nhà và trả đất cho bà T với diện tích đất ngang 05m x dài 10m.

Quá trình giải quyết vụ án, đo đạc thực tế đất, thì vợ chồng ông C đang sử dụng đất của bà T với diện tích 33,8m² thuộc GCN QSD đất do bà T đứng tên (trong đó: Căn nhà chiếm diện tích 31,8m²; một phần mái che chiếm diện tích 2,0m²) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 01/6/2023 (sau đây gọi tắt là Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu vợ chồng ông C và các thành viên trong gia đình của ông C phải di dời nhà, mái che và trả cho bà T diện tích 33,8m² đất thuộc GCN QSD đất do bà T đứng tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà K trình bày:

Bà K thừa nhận cất nhà ở nhờ trên đất của ông C1 (là cha của bà T); có trả cho ông C1 số tiền 500.000đ/tháng; về sau trả 1.000.000đ/tháng.

Nay gia đình bà K đồng ý di dời nhà và trả đất cho bà T nhưng yêu cầu bà T gia hạn 03 năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông C1 và bà H trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà T. Thừa nhận có vay 15.000.000đ của ông C vào năm 2017, khi nào ông C yêu cầu thì ông, bà sẽ trả tiền vay 15.000.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Kim H1 (sau đây gọi tắt là bà H1) trình bày: Bà H1 là con của ông C, bà K; anh Đỗ Hữu P (sau đây gọi tắt là anh P) là con của bà H1; hiện nay, bà H1 đang sinh sống chung nhà cùng ông C và bà K; bà H1 thống nhất ý kiến của bà K.

- Ông Nguyễn Trường G (sau đây gọi tắt là ông G): Là con của ông C và bà K; ông G không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

- Bà Nguyễn Thị Kim H2 (sau đây gọi tắt là bà H2), Nguyễn Ngọc Như Ý và chị Nguyễn Ngọc Như H3 (sau đây gọi tắt là chị Ý, chị H3) là con của bà H2:

Bà H2 là con của ông C, bà K; bà H2 không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

- Bà Nguyễn Thị Kim T1 (sau đây gọi tắt là bà T1), chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M và anh Nguyễn Thành Đ (sau đây gọi tắt là chị Ý, chị N, anh Đ) là con của bà T1: Bà T1 là con của ông C, bà K; bà T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Buộc ông C, bà K, ông G, bà H1, bà H2, bà T1, chị Ý, chị H3, anh P, chị M, chị N, anh Đ trả phần diện tích đất 31,8m² thể hiện tại các điểm 2, 3, 10, 11 và mái che thể hiện tại các điểm 31, 39, 35, 43. Trong đó, phần diện tích xây dựng của mái che được giới hạn bởi các điểm 31, 38, 34, 37, 43 nằm ngoài phạm vi ranh giới sử dụng đất thuộc GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08733 ngày 19/3/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà T có diện tích 7,0m² cho bà T theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023.

- Ông C, bà K, ông G, bà H1, bà H2, bà T1, chị Ý, chị H3, anh P, chị M, chị N, anh Đ được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà T hoàn lại giá trị cho ông C và bà K số tiền 29.358.910đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/9/2023, bà T kháng cáo: Không đồng ý bản án sơ thẩm buộc bà T trả cho ông C và bà K số tiền gần 30.000.000đ.

Tại phiên tòa:

- Bà T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà K trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà T; đồng ý bản án sơ thẩm.

- Bà H2, bà T1 trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà T; đồng ý bản án sơ thẩm.

- Ông C: Vắng mặt.

- Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; ông C, bà K và các thành viên trong căn nhà có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, để trả lại cho bà T diện tích đất 31,8m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà T nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa; tuy nhiên, ông C và một số người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quyền sử dụng đất:

Bà K và các con của bà K thừa nhận cất nhà ở nhò trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà K và các con của bà K đồng ý giao trả đất cho bà T theo bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn và các thành viên trong gia đình của bị đơn phải trả đất cho bà T theo GCN QSD đất số CS08733 ngày 19/3/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 105, Điều 115, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 và khoản 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về vật kiến trúc trên đất:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày: “Nhà ở và mái che của bị đơn xây dựng tạm nên di dời được; tuy nhiên, hiện tại bị hư hỏng, không sử dụng được; nguyên đơn không có nhu cầu sử dụng vật kiến trúc của bị đơn; nguyên đơn không đồng ý nhận nhà ở và mái che của bị đơn; không đồng ý hoàn trả cho bị đơn giá trị nhà ở và mái che khoảng 30 triệu đồng như cấp sơ thẩm tuyên xử. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải di dời vật kiến trúc và giao trả cho nguyên đơn phần đất thuộc GCN QSD đất do nguyên đơn đứng tên”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K, bà H2 và bà T1 trình bày: “Nhà ở và mái che của bị đơn có kết cấu khung gỗ tạp, mái tole, nền tráng xi măng, nền móng không kiên cố; dễ di dời; tuy nhiên, hiện tại bị hư hỏng nếu tháo dỡ, di dời sẽ không sử dụng được. Bị đơn đồng ý di dời nhà và trả đất cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn phải hỗ trợ cho bị đơn khoảng 40 triệu đồng để di dời nhà”.

Xét thấy, lời khai của các đương sự về kết cấu nhà ở và mái che của bị đơn phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản. Như vậy, nhà ở và mái che của bị đơn là vật kiến trúc tháo dỡ, di dời được nhưng cấp sơ thẩm tuyên xử giao nhà ở và mái che của bị đơn cho nguyên đơn sở hữu, sử dụng và buộc nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị nhà và mái che số tiền 29.358.910đ là không phù hợp.

Nguyên đơn không đồng ý hỗ trợ tiền theo yêu cầu của bị đơn.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên cấp phúc thẩm chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Những vấn đề cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đất diện tích $50m^2$ (ngang $05m$ x dài $10m$). Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế ghi nhận bị đơn sử dụng $33,8m^2$ đất thuộc GCN QSD đất số: CS08733 ngày 19/3/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời vật kiến trúc và trả cho nguyên đơn phần đất thuộc GCN QSD đất của nguyên đơn theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023. Tức là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích $16,2m^2$ đất ($50m^2 - 33,8m^2$) nhưng cấp sơ thẩm không nhận định và không đình chỉ xét xử một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về diện tích $16,2m^2$ đất là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Phần nhận định tại Mục [5] của bản án sơ thẩm có nêu: “...qua đo đạc xác định theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 01/06/2023 được giới hạn bởi các điểm 48, 49, 50, 51 có diện tích $247,8m^2$. Gia đình ông C sử dụng phần diện tích đất xây dựng nhà ở thể hiện tại các điểm 38, 6, 42, 41, 43, 19, 18, 17, 46 và mái che $9,0m^2$ được giới hạn bởi các điểm 38, 6, 40, 39; tổng diện tích xây dựng căn nhà $47,3m^2$ nằm trong phần diện tích đất được công nhận cho bà T”.

Cấp phúc thẩm đòi chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023 không có ghi nhận và không có mô tả các điểm và diện tích như phần nhận định tại Mục [5] của bản án sơ thẩm.

[3.3] Một phần mái che của bị đơn diện tích $7,0m^2$ (tại các điểm: 31, 38, 34, 37, 43 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023) không thuộc

phạm vi GCN QSD đất của nguyên đơn; các đương sự trong vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng cấp sơ thẩm không nhận định.

[3.4] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không rõ về diện tích đất buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

[4] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Buộc bị đơn có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật kiến trúc: Nhà ở diện tích $31,8m^2$ tại các điểm: 2, 3, 10, 11; một phần mái che diện tích $2,0m^2$ tại các điểm: 38, 39, 35, 37, 34 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023. Buộc bị đơn và các thành viên trong gia đình của bị đơn cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn diện tích $33,8m^2$ đất thuộc GCN QSD đất số: CS08733 ngày 19/3/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho nguyên đơn, cụ thể: Diện tích $31,8m^2$ tại các điểm: 2, 3, 10, 11 và diện tích $2,0m^2$ tại các điểm: 38, 39, 35, 37, 34 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023.

[5] Đối với một phần mái che của bị đơn diện tích $7,0m^2$ (tại các điểm: 31, 38, 34, 37, 43 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023) không thuộc phạm vi GCN QSD đất của nguyên đơn và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết một phần mái che của bị đơn diện tích $7,0m^2$ (tại các điểm: 31, 38, 34, 37, 43 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 01/6/2023).

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thanh T.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:
 - Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thanh T về diện tích $16,2m^2$ đất.
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thanh T về yêu cầu tháo dỡ, di dời vật kiến trúc và yêu cầu trả diện tích $33,8m^2$ đất.

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Trường G, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Thị Kim T1, chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ (chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ là con của bà Nguyễn Thị Kim T1), anh Đỗ Hữu P (anh Đỗ Hữu P là con của bà Nguyễn Thị Kim H1), chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 (chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 là con của bà Nguyễn Thị Kim H2) cùng có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà ở diện tích 31,8m² tại các điểm: 2, 3, 10, 11 và một phần mái che diện tích 2,0m² tại các điểm: 38, 39, 35, 37, 34 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 01/6/2023.

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Trường G, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Thị Kim T1, chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ (chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ là con của bà Nguyễn Thị Kim T1), anh Đỗ Hữu P (anh Đỗ Hữu P là con của bà Nguyễn Thị Kim H1), chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 (chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 là con của bà Nguyễn Thị Kim H2) cùng có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thanh T diện tích 33,8m² đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS08733 ngày 19/3/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Mai Thanh T; trong đó: Diện tích 31,8m² đất tại các điểm: 2, 3, 10, 11 và diện tích 2,0m² đất tại các điểm: 38, 39, 35, 37, 34 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 01/6/2023.

- Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Trường G, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Thị Kim T1, chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ (chị Nguyễn Tâm N, chị Nguyễn Trà M, anh Nguyễn Thành Đ là con của bà Nguyễn Thị Kim T1), anh Đỗ Hữu P (anh Đỗ Hữu P là con của bà Nguyễn Thị Kim H1), chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 (chị Nguyễn Ngọc Như Ý, chị Nguyễn Ngọc Như H3 là con của bà Nguyễn Thị Kim H2) được lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Bản án kèm Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 01/6/2023).

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K cùng có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thanh T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Mai Thanh T được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0001160 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0001821 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thanh T không phải chịu. Bà Mai Thanh T được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0002535 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ